

Số: 169 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 20 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

Thực hiện Thông báo số 232/TB-HĐND ngày 22/10/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến nội dung, chương trình Kỳ họp thứ mười sáu, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2020.

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN.

1.1. Về thu NSNN (*Biểu kèm theo*)

Trong năm 2020, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 4.570 tỷ đồng, tăng 1,47% so với dự toán năm 2019. Dự toán được HĐND tỉnh thông qua là 5.200 tỷ đồng.

Uớc thực hiện 2020 là 4.628,4 tỷ đồng, đạt 101,3% so với dự toán Trung ương giao, đạt 89% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

a) **Thu nội địa NSNN:** Uớc thực hiện 4.621 tỷ đồng, đạt 101,8% dự toán Trung ương giao, đạt 89,4% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 2,4% so với cùng kỳ, gồm:

- Thu tiền sử dụng đất: Uớc thực hiện 1.000 tỷ đồng, đạt 200% dự toán Trung ương giao, đạt 92,8% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 21,1% so cùng kỳ. Dự ước số giảm thu tiền sử dụng đất cả năm 2020 so với HĐND giao là 78 tỷ đồng.

- Thu tiền xổ số kiến thiết: Uớc thực hiện 120 tỷ đồng, đạt 85,7% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, giảm 22,1% so với cùng kỳ.

- Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế ước thực hiện 0,3 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ.

- Thu nội địa NSNN (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu xổ số kiến thiết*): Uớc thực hiện 3.501 tỷ đồng, đạt 89,8% dự toán Trung ương giao, 88,6% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1% so với năm trước.

Các khoản thu đạt và vượt dự toán (05 khoản):

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Uớc thực hiện 42 tỷ đồng, đạt 102,4% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 4,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu phát sinh thuế từ bán thanh lý gỗ của các công ty Lâm nghiệp, Hạt Kiểm lâm (tăng thu thuế GTGT và thuế tài nguyên).

(2) Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 34 tỷ đồng, đạt 147,8% dự toán Trung ương và dự toán HDND tỉnh giao, tăng 28,4% so với cùng kỳ¹.

(3) Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện là 690 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và dự toán HDND tỉnh giao, tăng 8% so với cùng kỳ.

(4) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 214 tỷ đồng, đạt 261% dự toán Trung ương và dự toán HDND tỉnh giao, tăng 129,8% so với cùng kỳ².

(5) Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện: Ước thực hiện 28 tỷ đồng, đạt 280% dự toán Trung ương giao, đạt 215,4% dự toán HDND tỉnh giao, tăng 110,7% so với cùng kỳ.

Năm 2020 còn một số khoản thu không đạt dự toán (08 khoản), gồm:

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Ước thực hiện 700 tỷ đồng, đạt 76,9% dự toán Trung ương giao và 76% dự toán HDND tỉnh giao, giảm 14,3% so với cùng kỳ.

Do tác động của đại dịch Covid-19 hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bị ngưng trệ; diễn biến thất thường của thời tiết (*hạn hán đã ảnh hưởng sản lượng phát điện các công ty thủy điện đạt thấp so với tiến độ dự toán, giảm so với cùng kỳ*).

(2) Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 1.015 tỷ đồng, đạt 84,6% dự toán Trung ương giao, 83% dự toán HDND tỉnh giao, giảm 3,3% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân ảnh hưởng đại dịch Covid-19 các tổ chức, cá nhân tạm ngừng, nghỉ kinh doanh; thời tiết khô hạn các công ty thủy điện không đạt tiến độ dự toán và hoạt động sản xuất giảm mạnh, sức tiêu thụ hàng hóa giảm và một phần các doanh nghiệp được gia hạn nộp tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số: 41/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

(3) Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 190 tỷ đồng, đạt 66,7% dự toán Trung ương giao và HDND tỉnh giao, giảm 22,9% so với cùng kỳ³.

(4) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 7,5 tỷ đồng, đạt 93,8% dự toán Trung ương giao và dự toán HDND tỉnh giao, tăng 0,7% so cùng kỳ.

(5) Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 262,4 tỷ đồng, đạt 84,6% dự toán Trung ương giao và HDND tỉnh giao, tăng 1,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu giảm thuế thu nhập cá nhân của hộ cá nhân kinh doanh.

¹ Nguyên nhân, năm 2020 các DN khu vực này giảm thu như: Công ty TNHH TM & CB Louis Dreyfus Company Việt Nam; Công ty trách nhiệm hữu hạn Olam Việt Nam do ảnh hưởng dịch bệnh hàng xuất khẩu giảm nên số thuế nộp giảm; một số nhà thầu nước ngoài thực hiện lắp đặt máy móc thiết bị cho các nhà máy điện mặt trời, thủy điện phát sinh thuế nộp năm 2019 là 9,8 tỷ, năm 2020 không phát sinh. Tuy nhiên, giá thịt lợn trong thời gian qua tăng cao dẫn đến số nộp của Công ty cổ phần Chăn nuôi VN phân bổ về tỉnh Gia Lai tăng đột biến hơn 15 tỷ đồng, đã bù đắp được các khoảng giảm thu của khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN.

² Nguyên nhân nguyên nhân chủ yếu: thu nợ tiền thuê đất các dự án đã giao đất cho nhà đầu tư năm 2019 (như: Công ty CP FLC & Công ty Bossco nộp 60,3 tỷ), truy thu tiền thuê đất từ năm 2016-2019 do điều chỉnh đơn giá thuê đất của các doanh nghiệp ở các huyện Chư Prông, Chư Sê, Mang Yang; dự kiến Công ty Coopmart nộp 50% tiền thuê đất tại 29 Nguyễn Văn Cừ khoảng 50 tỷ đồng.

³ Nguyên nhân ảnh hưởng đại dịch Covid-19, chuyển nhượng ô tô, xe máy giảm mạnh và một phần thực hiện giảm 50% lệ phí trước bạ đối với xe ô tô lắp ráp trong nước.

(6) Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện 91 tỷ đồng, đạt 95,8% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 0,1% so cùng kỳ.

(7) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện 64,5 tỷ đồng, đạt 89,6% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, giảm 22,8% so với cùng kỳ⁴

(8) Thu khác cân đối ngân sách: Ước thực hiện 161 tỷ đồng, đạt 85,2% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 4% so cùng kỳ.

b) **Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:** Ước thực hiện 7,4 tỷ đồng, chỉ đạt 24,7% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao và giảm 76% so với cùng kỳ⁵.

Ước thực hiện thu NSNN của các huyện, thị xã, thành phố (*Phụ lục 02 kèm theo*)

1.2. Tình hình quản lý nợ thuế:

Tính đến 30/9/2020, tổng nợ thuế toàn ngành là 1.087 tỷ đồng (tăng so với thời điểm 31/12/2019 là 95 tỷ đồng, tăng 9,6%), gồm: Nợ khó thu là 691,4 tỷ đồng (tăng so với 31/12/2019 là 25,3 tỷ đồng; tăng 3,8%); nợ chờ xử lý là 27,4 tỷ đồng (giảm so với 31/12/2019 là 79,9 tỷ đồng; giảm 74,4%); nợ thông thường là 368,2 tỷ đồng (tăng so với 31/12/2019 là 149,4 tỷ đồng; tăng 68,3%).

Đối với nhóm nợ khó thu chiếm 63,6% trên tổng nợ, có xu hướng tăng do tiền phạt chậm nộp. Nợ chờ xử lý chủ yếu là các đơn vị có số nợ lớn đang khiếu nại kéo dài chưa được xử lý.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương (NSDP):

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSDP năm 2020, đảm bảo tiết kiệm, phát huy hiệu quả; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Đảm bảo nguồn kinh phí để phòng, chống dịch, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động điều hành chi ngân sách địa phương chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, bố trí trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng; rà soát cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác phí với số tiền 13.878 triệu đồng (*ngân sách cấp tỉnh 6.962,1 triệu đồng; ngân sách cấp huyện 6.915,9 triệu đồng*) và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại năm 2020 là 88.467,3 triệu đồng (*ngân sách cấp tỉnh 43.148,2 triệu đồng; ngân sách cấp huyện 45.319,1 triệu đồng*).

⁴ Nguyên nhân trung bình giá tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các mỏ khoáng sản của địa phương giảm (năm 2019 nộp 24 tỷ; năm 2020 nộp 12 tỷ, giảm 12 tỷ so cùng kỳ).

⁵ Nguyên nhân phát sinh chủ yếu từ thuế GTGT của mặt hàng mù cao su tự nhiên nhập khẩu, mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định và thu từ công tác kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp. Trong thời gian những năm trước đây, tại địa bàn tỉnh Gia Lai mặt hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu là mặt hàng mang lại nguồn thu NSNN chiếm tỷ trọng chủ yếu (*chiếm tỷ lệ trên 80% tổng số thu địa bàn tỉnh Gia Lai*), tuy nhiên hiện nay Chính phủ Campuchia thực hiện lệnh cấm xuất khẩu nên nguồn thu từ mặt hàng này đến nay hầu như không phát sinh. Đến thời điểm hiện tại hầu như các dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện lớn trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã đi vào hoàn thiện. Ngoài ra, có một số dự án ưu đãi đầu tư phát sinh nhưng doanh nghiệp không làm thủ tục nhập khẩu tại địa bàn mà làm tại các cửa khẩu, cảng nơi có hàng hóa. Trong những tháng đầu năm tại địa bàn tỉnh Gia Lai không phát sinh nhập khẩu cho dự án đầu tư mới, chỉ phát sinh số thu đột xuất cho máy móc nhập khẩu thay thế của 01 dự án thủy điện trước đây.

Ước thực hiện cả năm 2020 là 14.263,2 tỷ đồng, bằng 110,4% so với dự toán Trung ương giao, đạt 104,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 12,6% so với cùng kỳ.

2.1. Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn cân đối NSDP: Ước thực hiện cả năm là 2.964,4 tỷ đồng⁶, bằng 191,7% so với dự toán Trung ương giao, đạt 138,3% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 4,8% so cùng kỳ.

2.2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện cả năm là 8.479,9 tỷ đồng, bằng 97,9% so với dự toán Trung ương giao, đạt 100,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1,9% so với cùng kỳ.

Năm 2020 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 225.019 triệu đồng (*gồm: ngân sách cấp tỉnh là 107.336 triệu đồng; ngân sách cấp huyện là 117.683 triệu đồng*).

Đã kịp thời tạm ứng kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 là 283,8 tỷ đồng. Trong đó, tạm ứng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ là 236,2 tỷ đồng; tạm ứng theo Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ là 47,6 tỷ đồng.

2.3. Chi các chương trình Mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu nhiệm vụ do NSTW bổ sung: Ước thực hiện cả năm là 2.816,7 tỷ đồng, đạt 112,3% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 135,4% so với cùng kỳ.

3. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh: (Biểu kèm theo)

Dự toán Trung ương giao năm 2020 nguồn dự phòng ngân sách là 208,071 tỷ đồng. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định 222,27 tỷ đồng, gồm: Ngân sách cấp tỉnh 96,612 tỷ đồng, ngân sách huyện 125,659 tỷ đồng.

Việc trích lập, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dự phòng đã đảm bảo đúng các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Phương án điều hành ngân sách để đảm bảo cân đối NSDP trong tình hình dự kiến số thu năm 2020 không đạt dự toán HĐND tỉnh giao.

a) Dự ước thu ngân sách nhà nước giảm so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2020 là 571,6 tỷ đồng; trong đó thu ngân sách địa phương giảm 556,37 tỷ đồng, gồm:

- Thu ngân sách tỉnh giảm: 424,844 tỷ đồng (thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất, và thu xổ số kiến thiết giảm 326,844 tỷ đồng; thu xổ số kiến thiết giảm 20 tỷ đồng; thu tiền sử dụng đất giảm 78 tỷ đồng).

- Thu ngân sách huyện, xã giảm 131,526 tỷ đồng (thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất giảm 131,526 tỷ đồng)

b) Phương án điều hành để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương:

- Đối với ngân sách tỉnh:

- + Thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất, và thu xổ số kiến thiết: 326,844 tỷ đồng (bố trí nguồn cải cách tiền lương để bù đắp 50% hụt thu dự toán ngân sách tỉnh so với dự toán của Bộ Tài chính giao là 151,028 tỷ đồng; bù đắp từ các nguồn dự toán còn lại đến cuối năm 2020 chưa phân bổ 0,349 tỷ đồng; bù đắp từ

⁶ Bao gồm chi từ nguồn kinh phí chuyển nguồn năm 2018 do được phép kéo dài theo quy định.

nguồn sắp xếp, cắt, giảm, giãn một số nhiệm vụ chi đã bố trí cho các đơn vị sử dụng ngân sách 33,105 tỷ đồng; giảm chi từ nguồn trích 30% tiền sử dụng đất về Quỹ phát triển đất theo dự toán giao 120,69 tỷ đồng⁷; giảm chi từ nguồn trích 30% tiền thuê đất đất về Quỹ phát triển đất 21,672 tỷ đồng)

+ Đối với số dự kiến giảm thu tiền sử dụng đất là 78 tỷ đồng dự kiến dùng nguồn cắt giảm vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí của dự toán giao năm 2020 để bù đắp; giảm thu xổ số kiến thiết 20 tỷ đồng dự kiến dùng nguồn thu XSKT năm 2021 để xử lý.

- Đối với ngân sách huyện, xã 131,526 tỷ đồng: Các huyện, thành phố, thị xã trưởng hợp dự kiến thu ngân sách địa phương giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao, địa phương phải chủ động xây dựng phương án điều hành để đảm bảo cân đối ngân sách huyện, xã. Trước tiên thực hiện các chính sách, chế độ liên quan con người, an sinh xã hội, theo đúng hướng dẫn tại Công văn số: 8299/BTC-NSNN ngày 08/7/2020 của Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2020.

5. Tình hình giải ngân và quyết toán dự án hoàn thành vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh:

5.1. Tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản:

Vốn đầu tư công năm 2020 (kể cả nguồn vốn kéo dài từ năm 2019 sang năm 2020 và vốn bổ sung) là 3.620,6 tỷ đồng. Tính đến 11/11/2020, khối lượng thực hiện đạt 2.560 tỷ đồng, bằng 70,71% kế hoạch, giải ngân đạt 2.510,3 tỷ đồng, bằng 69,3% kế hoạch (trong đó, ngân sách tỉnh giải ngân đạt 70,6%, ngân sách trung ương đạt 71,8%, chương trình mục tiêu quốc gia đạt 75,4%, ODA đạt 59,2%; vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 đạt 71,4%; vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 đạt 9,7%).

5.2. Tình hình quyết toán dự án hoàn thành vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh.

- Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán 10 tháng đầu năm 2020 là 753 dự án. Tổng giá trị đề nghị quyết toán là 1.501,3 tỷ đồng; tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 1.496,6 tỷ đồng; giá trị giảm trừ qua quyết toán 4,7 tỷ đồng.

- Số dự án hoàn thành chủ đầu tư đã nộp hồ sơ báo cáo quyết toán, trong thời hạn thẩm tra quyết toán là 134 dự án, tổng giá trị đề nghị quyết toán là 135,6 tỷ đồng; chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng: không có.

- Số dự án hoàn thành chủ đầu tư chưa nộp hồ sơ báo cáo quyết toán là 420 dự án, tổng mức đầu tư được duyệt là 831,7 tỷ đồng; gồm: Số dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán là 349 dự án, với tổng mức đầu tư được duyệt là 758,3 tỷ đồng; số dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng là 71 dự án (thuộc cấp huyện quản lý), với tổng mức đầu tư được duyệt là 73,4 tỷ đồng⁸.

⁷ Số dự toán trích 30% tiền sử dụng đất ngân sách tinh hường năm 2020 về Quỹ Phát triển đất: 120.690 triệu đồng.

⁸ Thị xã Ayun Pa 19 dự án, tổng mức đầu tư 18,1 tỷ đồng; huyện Đức Cơ 20 dự án, tổng mức đầu tư 19,4 tỷ đồng; Huyện Kbang 03 dự án, tổng mức đầu tư 41,0 triệu đồng; huyện Chư Păh 29 dự án, tổng mức đầu tư 35,9 tỷ đồng.

II. Xây dựng dự toán thu chi NSNN năm 2021.

Trên cơ sở đánh giá khả năng thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2020, dự kiến tình hình năm 2021, dự kiến dự toán NSNN năm 2021 như sau:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2021.

Thu cân đối NSNN trên địa bàn Trung ương dự kiến giao là 4.552.300 triệu đồng.

Địa phương xây dựng thu NSNN trên địa bàn 5.047.000 triệu đồng, tăng 494.700 tr.đồng (trong đó, tiền sử dụng đất tăng 200.000 triệu đồng; thu từ xổ số kiêm thiết tăng 12.000 triệu đồng; các loại thuế, phí, thu khác ngân sách tăng 282.700 triệu đồng) và tăng 9% so với ước thực hiện năm 2020 (Biểu số 03 kèm theo).

Tổng thu NSDP:	12.543.414 triệu đồng
-----------------------	------------------------------

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:	4.420.440
--------------------------------------	-----------

Giảm so với số dự toán năm 2020 là 168.830 triệu đồng, gồm: Tăng thu tiền sử dụng đất 122.000 triệu đồng; tăng thu từ xổ số kiêm thiết 12.000 triệu đồng; các loại thuế, phí, thu khác giảm 302.830 triệu đồng.

- Thu NSTW bù sung (<i>số liệu của Bộ Tài chính</i>):	8.091.974
---	-----------

+ Bù sung cân đối ngân sách:	6.067.170
------------------------------	-----------

Bảng dự toán Bộ Tài chính giao năm 2020.

+ Bù sung thực hiện cải cách tiền lương:	478.072
--	---------

+ Bù sung có mục tiêu:	1.546.732
------------------------	-----------

- Thu kết dư:	31.000
---------------	--------

(*Biểu số 01 kèm theo*)

2. Dự toán chi NSDP năm 2021.

2.1. Nguyên tắc phân bổ chi:

a) Uyên bố trí chi đầu tư phát triển trên cơ sở tăng tỷ trọng đầu tư phát triển của NSNN và khả năng giải ngân từng nguồn vốn, bảo đảm nguyên tắc bội chi NSNN chỉ dùng cho chi đầu tư phát triển;

Phân cấp vốn đầu tư phát triển theo tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025.

b) Bố trí chi trả lãi vay đầy đủ, đúng hạn; quản lý chặt chẽ, hiệu quả các khoản vay.

c) Bố trí thu hồi tạm ứng năm trước.

d) Chi thường xuyên tiếp tục yêu cầu triệt để tiết kiệm gắn với tinh giản bộ máy, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động và tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện Nghị quyết số: 18, 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Chương trình hành động số: 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 thực hiện Nghị quyết số: 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã định hướng, lộ trình và nội dung sắp xếp trong từng cơ quan, từng lĩnh vực sự nghiệp. Cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, công tác và các khoản chi chưa thật sự cần thiết.

e) Thực hiện cơ cấu lại gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đổi mới khu vực sự nghiệp công lập thực hiện Kế hoạch số 120-KH/TU ngày 19/3/2018 về

Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Chi tổng hợp đưa vào dự toán đối với các nhiệm vụ chi không thường xuyên khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với những nhiệm vụ chi đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền, nhưng chưa được phê duyệt kế hoạch, chương trình, đề án, dự toán, quy hoạch, thì bố trí kinh phí dự kiến theo từng lĩnh vực đến từng đơn vị dự toán cấp 1. Đơn vị chi được sử dụng sau khi kế hoạch, chương trình, đề án,... được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện. Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp đưa vào lĩnh vực chi khác ngân sách, chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm trong từng lĩnh vực chi.

f) Đảm bảo cân đối nguồn thu và nhiệm vụ chi của NSDP để thực hiện các chế độ, chính sách của trung ương và địa phương ban hành theo đúng quy định:

- Đảm bảo kinh phí hoạt động chi thường xuyên của cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, hội đặc thù; đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng; các chính sách an sinh xã hội, các chính sách về dân tộc thiểu số đã ban hành.

- Đảm bảo nguồn thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo quy định Nghị quyết số: 27-NQ/TW và Nghị quyết số: 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII).

- Đảm bảo mức chi cho sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp khoa học công nghệ do trung ương giao.

- Những nhiệm vụ của các bộ, ngành, đoàn thể trung ương giao sẽ đảm bảo theo khả năng của ngân sách.

- Các chế độ, chính sách do địa phương ban hành và các chế độ, chính sách do NSDP đảm bảo thì cân đối ngân sách, sử dụng nguồn tăng thu và kết dư để xử lý theo khả năng ngân sách như:

+ Bố trí vốn đối ứng về kinh phí sự nghiệp có tính đến yếu tố lồng ghép về kinh phí để thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia (*Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững*) và các chương trình mục tiêu theo đúng quy định.

+ Kinh phí thực hiện Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp trong đó đẩy nhanh tiến độ triển khai kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh.

+ Bố trí kinh phí cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và hoàn trả số kinh phí đã tạm ứng từ Quỹ Phát triển đất của tỉnh để phục vụ cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

g) Năm 2021, không trích 30% từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, nhằm để tăng thêm nguồn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:

Trên cơ sở dự kiến dự toán thu NSDP năm 2021 giảm so với dự toán năm 2020, trong khi vẫn phải đảm bảo chi đầu tư xây dựng cơ bản. Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương của Hội đồng nhân dân không trích 30% từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh, nhằm để tăng thêm nguồn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

2.2. Dự toán chi NSDP năm 2021 (Biểu số 04 kèm theo).

Tổng chi NSDP:

12.593.514 tr.đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển:	3.313.937	-
--------------------------	-----------	---

Hiện nay, Chính phủ chưa giao dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia, dự kiến chi ĐTPT bằng 89,6% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2020, giảm 382.272 triệu đồng (vốn cân đối NSDP tăng 85.220 triệu đồng; chương trình mục tiêu nhiệm vụ tăng 232.838 triệu đồng; các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2021 Trung ương chưa phân bổ, giảm 700.330 triệu đồng) chiếm tỷ trọng 26,4% so với tổng chi NSDP năm 2021 (năm 2020 chiếm 27,1%).

- Chi thường xuyên:	8.820.941	-
---------------------	-----------	---

Hiện nay, Chính phủ chưa giao dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia, dự kiến chi thường xuyên bằng 94,2% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2020, giảm 547.958 triệu đồng (vốn cân đối NSDP giảm 54.044 triệu đồng; các chương trình mục tiêu nhiệm vụ giảm 297.191 triệu đồng; các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2021 Trung ương chưa phân bổ, giảm 196.722 triệu đồng) chiếm tỷ trọng 70% so với tổng chi NSDP năm 2021 (năm 2020 chiếm 70,2%),

Gồm:

a) Tổng chi cân đối NSDP:	11.046.782 tr.đồng.
----------------------------------	----------------------------

So với dự toán của HDND tỉnh giao năm 2020 giảm 0,7%, số tiền 78.241 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển:	2.229.410	-
--------------------------	-----------	---

Tăng 4% so với dự toán của HDND tỉnh giao năm 2020, tăng 85.220 triệu đồng, gồm: Vốn cân đối theo tiêu chí giảm 87.380 triệu đồng; tăng chi đầu tư từ nguồn sử dụng đất 122.000 triệu đồng; tăng chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 12.000 triệu đồng; tăng chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách 38.600 triệu đồng;.... Chiếm tỷ trọng 20,2% so với tổng chi cân đối năm 2021 (năm 2020 chiếm tỷ trọng 19,2%). Gồm:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	807.310	-
-------------------------------	---------	---

+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	1.200.000	-
---	-----------	---

+ Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	152.000	-
---	---------	---

+ Chi ủy thác qua NHCS cho vay các đối tượng:	20.000	-
---	--------	---

Dự kiến bằng với dự toán của HDND tỉnh giao năm 2020.

+ Chi từ nguồn bội chi ngân sách:	50.100	-
-----------------------------------	--------	---

- Chi trả nợ gốc năm 2020 từ nguồn kết dư:	31.000	-
--	--------	---

- Chi thường xuyên:	8.358.554	-
---------------------	-----------	---

Giảm 0,64% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020, giảm 54.227 tr.đồng, chủ yếu do tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy. Chiếm tỷ trọng 75,7% so với tổng chi cân đối năm 2021 (năm 2020 chiếm tỷ trọng 75,6%). Gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 3.556.881 -

Tăng 1,9% dự toán Trung ương giao năm 2021, tăng 62.264 triệu đồng; giảm 71.171 triệu đồng so với dự toán 2020, chiếm 32,2% so với tổng chi cân đối NSDP năm 2021 (năm 2020 chiếm 32,6%).

+ Sự nghiệp khoa học và công nghệ: 42.836 -

Tăng 64,5% so số trung ương giao năm 2021, tăng 3.579 triệu đồng so dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

+ Các khoản chi thường xuyên còn lại: 4.758.837 -

Tăng 0,28% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020, tăng 13.365 triệu đồng.

- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.400 -

(Bằng số Trung ương giao)

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 204.384 -

Dự toán 2020 là 343.782 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách: 219.934 -

Chiếm 2% tổng chi cân đối NSDP.

- Chi trả nợ lãi vay: 2.100 -

(Bằng số Trung ương giao)

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 1.546.732 -

Bằng số Trung ương giao năm 2021, giảm 961.405 triệu đồng so với dự toán năm 2020. Cụ thể:

(1) Vốn Trung ương bổ sung thực hiện mục tiêu nhiệm vụ 1.546.732 triệu đồng, giảm 64.353 triệu đồng so với Trung ương giao năm 2020, gồm:

- Vốn đầu tư: 1.084.527 triệu đồng, tăng 232.838 triệu đồng so với dự toán năm 2020.

- Vốn sự nghiệp: 462.205 triệu đồng, giảm 297.191 triệu đồng so với dự toán năm 2020.

(2) Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Hiện nay Trung ương chưa giao.

2.3. Bội chi NSDP: 50.100 -

Bằng số Trung ương dự kiến giao⁹.

3. Một số giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2021.

(1) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tập trung mời gọi các nhà đầu tư lớn có khả năng lôi kéo, thúc đẩy các dự án phụ trợ; chú trọng nhóm các nhà đầu tư vừa và nhỏ, đảm bảo môi trường bền vững, vừa đẩy nhanh tiến độ lập đầy đủ các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII), bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy

⁹ Bằng tổng số dự kiến vay trong năm 2020 là: 69.908 tr.đồng (Trong đó: vay để trả nợ gốc: 19.908 triệu đồng; vay để bù đắp bội chi: 50.100 triệu đồng).

tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc. Phần đầu tăng thu để thực hiện các nhiệm vụ của địa phương.

(2) Cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh. Theo đó, tỉnh sẽ đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng; rà soát các thủ tục không còn phù hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cắt giảm hoặc sửa đổi.

Đồng thời, đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng ngành, lĩnh vực, tạo nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững.

(3) Rà soát, tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (đất đai, tài nguyên, tài sản tại khu vực sự nghiệp công nhằm huy động vốn cho phát triển kinh tế - xã hội).

(4) Về thu NSNN trên địa bàn năm 2021:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu NSNN theo nghị quyết của Quốc hội. Bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế; Tỉnh ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh để chủ động triển khai chương trình hành động thực hiện kế hoạch dự toán thu NSNN năm 2021.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, các giải pháp thu NSNN do Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan ban hành.

- Tăng cường công tác phân tích, dự báo, rà soát, xác định kịp thời và đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Chính phủ về những giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô; có giải pháp về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tạo chuyển biến thực hiện đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh cải cách hành chính; tập trung nghiên cứu và thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, góp phần tăng thu NSNN trên địa bàn.

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp quản lý thu, hoàn thành chỉ tiêu phấn đấu được giao. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu. Qua đó, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả,

- Thực hiện nuôi dưỡng nguồn thu NSNN, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, nợ đọng thuế:

- + Đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính giao Tổng Cục thuế xây dựng Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế theo hướng sẽ có tiêu chí phân bổ số thu thuế bảo vệ môi trường cho các địa phương.

- + Thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa Cục Thuế tỉnh với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nhằm phối hợp các ban, ngành ở địa phương cùng phối hợp với cơ quan thuế để tăng cường quản lý thu, đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu ngân sách.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý kê khai thuế đối với người nộp thuế, đảm bảo 100% các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đều được đưa vào diện quản lý và kê khai nộp thuế.

+ Rà soát, thống kê các hộ đã được cấp giấy phép kinh doanh và thực tế có kinh doanh để cấp mã số thuế và đưa vào quản lý thu đầy đủ bộ thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên theo đúng thực tế phát sinh; hoạt động xây dựng vãng lai và các công trình của tư nhân đưa vào lập bộ thu thuế để chống thất thu ngân sách trong các lĩnh vực: Khai thác khoáng sản, tài nguyên; xây dựng cơ bản tư nhân, quản lý hộ kinh doanh.

+ Kiểm tra phát hiện kịp thời các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trốn thuế để xử lý nhằm tạo môi trường bình đẳng trong sản xuất kinh doanh; tập trung khai thác lĩnh vực còn thất thu như: Khai thác khoáng sản, các hoạt động dịch vụ, thương mại, vận tải, xây dựng...nhằm xử lý, truy thu kịp thời nộp vào NSNN các khoản phải thu; tránh tình trạng doanh nghiệp khai không đúng doanh thu, khai lỗ để trốn thuế, nợ đọng thuế; minh bạch trong chính sách thuế, không để câu kết với cán bộ thuế để trốn thuế, vụ lợi cá nhân. Phần đầu số nợ thuế khó thu không quá 5% so với số thực thu NSNN.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền chính sách thuế, thủ tục hành chính thuế ở tất cả các khâu, các bộ phận, các lĩnh vực thông qua việc đổi mới phương thức, phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền. Tuyên dương kịp thời thành tích của các tổ chức, cá nhân có ý thức chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế, có đóng góp số thu lớn cho NSNN.

- Đẩy mạnh thực hiện thanh tra, kiểm tra thuế theo phương pháp quản lý rủi ro, tổ chức giám sát đoàn thanh tra theo đúng quy định, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, thực hiện đúng quy trình thanh tra, kiểm tra, tránh tình trạng kéo dài thời gian thanh tra, kiểm tra không có lý do; đôn đốc thu các khoản thu theo kiến nghị, kết luận của KTNN.

- Triển khai quyết liệt công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương trên địa bàn trong việc thu hồi nợ đọng thuế; giảm tỷ lệ nợ đọng xuống dưới 5% tổng thu NSNN; thực hiện công khai danh sách người nộp thuế trên trang thông tin điện tử ngành thuế, bá, đài phát thanh theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Triển khai hóa đơn điện tử đảm bảo theo đúng thời hạn đề ra, đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ điện tử cho người nộp thuế như: khai, nộp thuế điện tử đối với cá nhân có hoạt động cho thuê nhà, thuê thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng bất động sản, khai, nộp lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy; sử dụng hóa đơn điện tử...

- Tiếp tục chỉ đạo ngành thuế thực hiện các kiến nghị của kiểm toán, thanh tra về các khoản tăng thu, công tác lập, giao dự toán thu ngân sách đảm bảo bao quát hết các nguồn thu trên địa bàn.

(5) Chi NSDP năm 2021:

- Thực hiện tốt Luật Đầu tư công sửa đổi; rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các quy định về quản lý đầu tư công, xây dựng cơ bản. Quản lý phân bổ kịp thời, ưu tiên bố trí cho các mục tiêu cần thiết, cấp bách theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong việc lập kế hoạch chi đầu tư phát triển hàng năm; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, nâng cao hiệu quả đầu tư. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với các dự án, công trình chậm tiến độ, giải ngân thấp phải kịp thời điều chuyển vốn.

- Tăng cường quản lý nợ công; thực hiện nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách chỉ được sử dụng để chi đầu tư phát triển, cân đối nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn vốn nhà nước theo các quy định của Luật Đầu tư công. Quản lý chặt chẽ từ bước lập, thẩm định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi đảm bảo tính kinh tế - kỹ thuật để việc đầu tư thực sự hiệu quả. Bảo đảm các dự án đầu tư phải theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt gắn với trách nhiệm của người ra quyết định đầu tư và chủ đầu tư. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, bảo đảm quản lý thống nhất; đề cao trách nhiệm của các sở, ngành, huyện, thành phố và chủ đầu tư trong phân bổ và sử dụng các nguồn vốn đầu tư từ NSNN, trái phiếu Chính phủ, DNNN, vốn ODA, vốn tín dụng đầu tư.

- Cơ cấu lại chi thường xuyên trong từng lĩnh vực, tập trung đảm bảo cho các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và dạy nghề, y tế, khoa học công nghệ, môi trường, quốc phòng - an ninh, các chính sách an sinh xã hội, chỉ ban hành các chủ trương, chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và cân đối được nguồn kinh phí. Giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Công tác lập và giao dự toán chi thường xuyên gắn với lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị.

Thực hiện nghiêm lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực; căn cứ vào dự kiến số tăng thu sự nghiệp theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực. Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm mức hỗ trợ từ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN. Đẩy mạnh công tác giải ngân vốn xây dựng cơ bản tránh kéo dài, chuyển nguồn lớn làm giảm hiệu quả sử dụng NSNN. Không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các khoản chi từ NSNN, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách, từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên đây là những nội dung cơ bản về kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 và dự toán thu, chi NSNN năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát./. Yman

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTV Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTK.



Đỗ Tiến Đông

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Phụ lục 01



Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện cả năm 2019	Ước thực hiện cả năm 2020	(%)/thực hiện cả năm		
					1	2	3
A. Tổng các khoản thu cần đối NSNN							
1. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	4.570.000	5.200.000	4.556.390	4.628.400	101,3%	89,0%	101,6%
<i>Thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất; thu xô sô kiến thiết; thu cỗ tức và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NV.</i>	<i>4.540.000</i>	<i>5.170.000</i>	<i>4.523.342</i>	<i>4.621.000</i>	<i>101,8%</i>	<i>89,4%</i>	<i>102,2%</i>
1.1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	3.900.000	3.952.000	3.543.300	3.501.000	89,8%	88,6%	98,8%
1.2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	4.366.000	4.981.000	4.347.077	4.460.000	102,2%	89,5%	102,6%
1.3. Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	910.000	921.000	817.052	700.000	76,9%	76,0%	85,7%
1.4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	41.000	41.000	40.254	42.000	102,4%	102,4%	104,3%
1.5. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	23.000	23.000	26.483	34.000	147,8%	147,8%	128,4%
1.6. Thu từ khu vực nông lâm nghiệp	1.200.000	1.223.000	1.049.220	1.015.000	84,6%	83,0%	96,7%
1.7. Thu từ khu vực nông nghiệp	285.000	285.000	246.333	190.000	66,7%	66,7%	77,1%
1.8. Thu từ khu vực nông nghiệp	8.000	8.000	7.451	7.500	93,8%	93,8%	100,7%
1.9. Thu từ khu vực nông nghiệp	310.000	310.000	259.017	262.400	84,6%	84,6%	101,3%
1.10. Thu phí và lệ phí	690.000	690.000	638.775	690.000	100,0%	100,0%	108,0%
1.11. Thu tiền sử dụng đất	95.000	95.000	90.941	91.000	95,8%	95,8%	100,1%
1.12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	500.000	1.078.000	825.680	1.000.000	200,0%	92,8%	121,1%
1.13. Thu tiền bán và cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	82.000	82.000	93.120	214.000	261,0%	261,0%	229,8%
1.14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	72.000	72.000	83.570	64.500	89,6%	89,6%	77,2%
1.15. Thu cỗ túc và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NN			229	300			131,0%
1.16. Thu Xô sô kiến thiết	140.000	140.000	154.133	120.000	85,7%	85,7%	77,9%
1.17. Thu phạt VPHC do cơ quan thuế thực hiện	10.000	13.000	13.288	28.000	280,0%	215,4%	210,7%

✓/bản



Nội dung

	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện cả năm 2019	Ước thực hiện cả năm 2020	() thực hiện cả năm		
					1	2	3
2. Các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý.							
2.1. Thu từ quỹ đất công ích và thu lợi công sản khác	174.000	189.000	176.265	161.000	92,5%	85,2%	91,3%
2.2. Thu phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT	55.000	66.270	41.252	45.000	81,8%	67,9%	109,1%
2.3. Thu biện pháp tài chính khác	116.000	119.730	132.354	113.500	97,8%	94,8%	85,8%
II. Thuế XK, NK, TTDB, VAT hàng nhập khẩu Hải quan thu.	30.000	30.000	30.821	7.400	24,7%	24,7%	24,0%
III. Thu viện trợ							
B. Chi ngân sách địa phương	12.923.154	13.633.160	12.669.906	14.263.181	110,4%	104,6%	112,6%
1. Chi đầu tư phát triển	1.546.190	2.144.190	2.829.522	2.964.438	191,7%	138,3%	104,8%
2. Chi thường xuyên	8.658.756	8.412.781	8.642.209	8.479.887	97,9%	100,8%	98,1%
3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ Tài chính	1.400	1.400	1.400	1.400	100,0%	100,0%	100,0%
4. Chi thực hiện chính sách cải cách tiền lương							
5. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách	208.071	222.270	62	713	118,8%	118,8%	1150,0%
6. Chi trả nợ lãi vay	600	600	62	713	118,8%	118,8%	1150,0%
7. Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu nhiệm vụ	2.508.137	2.508.137	1.196.713	2.816.743	112,3%	112,3%	235,4%

Thống

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN CẢ NĂM 2020 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

ĐVT: Triệu đồng



Số T H u y ê n, th i x â t h â n h p h o 	Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2020						Ước thực hiện cả năm 2020						% Thực hiện so với dự toán							
		Gồm			Gồm			Gồm			Gồm			%			%				
		Dự toán giao (kể cả tiền sử dụng đất)	Dự toán giao (không kể tài chính)	Biện pháp tài chính	Thuế dự toán đất)	Thu tiền tài chính	Thuế tài chính	Thuế đất)	Thu tiền tài chính	Thuế tài chính	Thu tiền tài chính	Thuế đất)	% so với tổng thu năm tiền sử dụng đất)	% so với tổng năm tiền sử dụng đất)	Biện pháp (không kể tài chính)	Thuế (không kể tiền sử dụng đất)	Thuế (không kể tiền sử dụng đất)	Thuế (không kể tiền sử dụng đất)			
A	B	1=2+3	1a = 2+5	2	3=4+5	4	5	6 = 7+8	6a=7+10	7	8=9+10	9	10	11=6/1	11a-6a/1a	12=7/2	13 = 8/3	14=1/05			
1	Chư Sê	162.720	42.720	4.220	158.500	120.000	38.500	160.800	60.800	10.000	150.800	100.000	50.800	20.541	179.2%	142.3%	237.0%	95.1%	131.9%		
2	Chư Păh	31.920	19.920	2.720	29.200	12.000	17.200	57.216	26.353	5.812	51.404	30.863	27.337	8.009	19.328	114.5%	99.5%	119.5%	113.9%	110.4%	
3	Phú Thiện	26.820	22.820	2.820	24.000	4.000	20.000	30.707	22.698	3.370	27.337	22.698	20.000	3.370	3.370	110.8%	79.2%	113.9%	68.7%	68.7%	
4	Ia Grai	51.110	36.110	4.510	46.600	15.000	31.600	25.284	3.570	53.057	31.343	21.714	11.000	14.591	132.2%	128.5%	451.3%	104.0%	86.9%		
5	Mang Yang	26.770	21.770	2.460	27.800	16.800	35.384	9.793	25.591	11.000	14.591	9.793	11.000	14.591	14.591	106.4%	115.9%	97.5%	105.4%	105.4%	
6	K'Bang	40.980	31.980	3.080	37.900	9.000	28.900	40.525	34.025	3.570	36.955	6.500	30.455	98.9%	106.4%	115.9%	84.6%	127.5%	108.0%	81.4%	
7	An Khê	101.010	71.010	4.910	96.100	30.000	66.100	110.041	60.041	6.260	103.781	50.000	53.781	108.9%	108.9%	123.2%	98.7%	114.3%	81.0%	81.0%	
8	K'rông Pa	35.230	24.730	3.730	31.500	10.500	21.000	43.400	24.400	7.400	36.000	19.000	17.000	19.000	19.000	113.8%	118.5%	118.5%	96.8%	100.2%	
9	IaPa	12.260	11.060	2.060	10.200	1.200	9.000	13.957	13.104	4.084	9.873	853	9.020	9.020	9.020	9.020	139.6%	139.6%	139.6%	145.2%	145.2%
10	Đăk Pơ	24.550	17.750	2.750	21.800	7.000	14.800	33.458	22.458	1.803	31.655	11.000	20.655	136.3%	128.0%	65.6%	145.2%	139.6%	139.6%	139.6%	
11	Đức Cơ	40.570	30.570	3.470	37.100	10.000	27.100	42.693	32.693	11.200	31.493	10.000	21.493	105.2%	106.9%	322.8%	84.9%	97.3%	97.3%	97.3%	
12	Băk Đoa	171.070	136.070	3.670	167.400	135.000	32.400	55.663	37.163	5.220	50.443	18.500	31.943	31.943	31.943	32.5%	103.0%	142.2%	30.1%	98.6%	
13	AyunPa	75.640	69.140	3.240	72.400	6.500	65.900	91.622	70.622	4.050	87.572	21.000	66.572	66.572	66.572	121.1%	102.1%	125.0%	121.0%	101.0%	
14	Chư Prông	54.790	39.790	3.490	51.300	15.000	36.300	47.500	3.000	73.000	28.500	44.500	138.7%	119.4%	86.0%	142.3%	122.6%	122.6%	122.6%		
15	Chư Puh	38.210	31.210	3.110	35.000	23.000	12.712	18.212	2.300	20.412	4.500	15.912	59.4%	119.7%	74.0%	58.2%	131.5%	93.3%	146.5%	94.2%	92.2%
16	Pleiku	1.311.610	642.610	12.610	1.299.000	669.000	630.000	1.242.013	599.281	18.475	1.225.538	642.732	580.806	94.7%	93.3%	142.2%	94.2%	100.0%	123.0%	107.5%	
17	K'long Chro	22.010	19.010	2.810	19.200	3.000	16.200	26.430	20.230	2.810	23.620	6.200	17.420	120.1%	106.4%	100.0%	83.7%	83.7%	83.7%	83.7%	
18	Văn phòng Cục	2.972.730	2.972.730	2.972.730	2.972.730	2.972.730	2.972.730	2.489.152	2.489.152	2.489.152	2.489.152	2.489.152	2.489.152	83.7%	83.7%	83.7%	83.7%	83.7%	83.7%	83.7%	
Tổng	XNK	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	7.400	7.400	7.400	7.400	-	24.7%	24.7%	24.7%	24.7%	24.7%	24.7%	24.7%		
		Tổng cộng	5.200.000	4.122.000	65.370	5.134.630	1.078.000	4.056.630	4.628.400	102.717	4.525.683	1.000.000	3.525.683								

7/10

**TỈNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHÍNH SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
CÁ NĂM 2020**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng chi NS huyện - xã	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2020						Ước thực hiện cả năm 2020						
			Gồm			Trong đó			Gồm			Trong đó			
			Chi đầu tư xây dựng và DN	SN KHCN	SN SNMT	Chi thường xuyên (1)	SN KHCN	SN SNMT	Chi đầu tư xây dựng và DN	SN KHCN	SN SNMT	Chi thường xuyên (1)	SN KHCN	SN SNMT	
A	B	I=2+3+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10+	9	10	11	12	13	I=4=8/I
1	Chư Sê	593,511	140,200	442,381	258,907	410	7.034	10.930	733,178	228,436	504,742	256,782	-	15.134	123,5%
2	Chư Păh	366,054	25,500	333,967	169,398	350	4.230	6.587	461,552	87,849	373,703	172,570	350	3.652	126,1%
3	Phú Thiện	352,863	15,900	331,078	172,177	350	3.892	5.885	378,366	47,288	331,078	172,177	350	6.634	107,2%
4	Ia Grai	423,651	31,300	384,762	229,192	350	4.730	7.589	562,392	135,000	427,392	229,192	350	4.730	132,7%
5	Mang Yang	315,574	21,200	288,598	159,154	350	3.310	5.776	360,623	64,571	296,052	160,251	-	3.310	114,3%
6	K'Bang	383,994	25,900	351,315	196,285	350	4.302	6.779	530,207	110,938	419,269	213,513	766	14,169	138,1%
7	An Khê	311,196	45,900	259,368	128,387	410	5.437	5.928	398,383	109,986	288,397	124,641	410	4.593	128,0%
8	Kông Pa	426,199	28,100	390,498	218,244	350	4.607	7.601	566,576	93,000	473,576	202,609	-	4.856	132,9%
9	IaPa	279,663	14,500	260,106	143,192	350	3.174	5.057	391,117	34,181	356,936	129,821	738	7,741	139,9%
10	Dăk Po	225,865	16,900	204,980	99,046	350	2.589	3.985	304,312	72,200	232,112	93,436	744	4,391	134,7%
11	Đức Cơ	368,787	22,900	339,271	190,217	350	4.212	6.616	330,759	60,759	270,000	160,000	-	2.700	89,7%
12	Dăk Đoa	435,491	23,300	404,344	211,028	350	4.747	7.847	525,267	87,654	437,613	220,500	350	4.050	120,6%
13	AyunPa	224,231	20,700	199,400	95,464	410	4.902	4.131	253,638	50,107	203,531	95,464	410	4,902	113,1%
14	Chư Prông	502,231	34,300	458,792	252,897	350	5.261	9.139	599,000	130,000	469,000	253,000	350	5.261	119,3%
15	Chư Păh	341,231	34,800	300,608	165,805	350	3.750	5.823	365,584	34,840	330,744	165,981	1.000	10,175	107,1%
16	Pleiku	1,091,760	391,000	680,255	341,032	510	15.439	20,505	1,179,711	400,000	779,711	347,311	510	43,045	108,1%
17	Kông Chro	316,223	18,600	292,142	150,214	350	3.222	5.481	417,346	82,195	335,151	128,810	350	3.222	132,0%
Tổng cộng		6,958,524	911,000	5,921,865	3,180,639	6,290	84,838	125,659	8,358,011	1,829,004	6,529,007	3,126,059	6,678	142,565	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên (kè cả bù sung có mục tiêu) đã bao gồm nguồn dự phòng ngân sách

(2) Chi Sư nghiệp Giao dục, Đào tạo và Day nghề (kè cả bù sung có mục tiêu)

Văn



TỈNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020

Phụ lục 04

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Đơn vị	Số tiền	Số quyết định	Ghi chú	
				Ngày	
I Tổng nguồn Dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020					
II Số kinh phí đã có quyết định phân bổ và dự kiến xử lý các nhiệm vụ.		89.882.096.500			
1 Đã có quyết định phân bổ		24.752.638.000			
1.1 Hỗ trợ kinh phí đón tiếp đoàn khảo sát kích cầu du lịch VN 2020 khu vực Tây nguyên - Nam Trung bộ.	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	96.612.000.000	82/QĐ-UBND	03/03/2020	
1.2 Hỗ trợ tổ chức thực hiện Chương trình 45 năm Văn học Tây nguyên tại tỉnh Gia Lai	Hội Văn học nghệ thuật	85.000.000	96.825.000	85/QĐ-UBND	04/3/2020
1.3 Kinh phí phục vụ công tác khảo sát, thu thập thông tin, xác định đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	394.000.000	113/QĐ-UBND	13/3/2020	
1.4 Kinh phí hỗ trợ Đoàn khảo cổ học thực hiện khảo sát, thăm dò khảo cổ tại huyện Phú Thiện và thị xã Ayun Pa.	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	23.200.000	126/QĐ-UBND	19/03/2020	
1.5 Kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội cơ sở Chi hội Nhạc sĩ Việt Nam tại tỉnh Gia Lai.	Hội Văn học nghệ thuật	9.600.000	123/QĐ-UBND	19/03/2020	
1.6 Kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	470.000.000	140/QĐ-UBND	25/03/2020	
1.7 Kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19	Bộ Chỉ huy Biên phòng	470.000.000	139/QĐ-UBND	25/03/2020	
1.8 Kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 cho 8 diêm tiếp nhận, đăng ký, phân loại cách ly ban đầu khu vực biên giới.	Bộ Chỉ huy Biên phòng	400.000.000	164/QĐ-UBND	09/04/2020	
1.9 Cấp bù sung và thu hồi kinh phí đã tạm ứng cho các đơn vị để tổ chức "Ngày cà phê Việt Nam" lần 3 năm 2019 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	61.417.000	167/QĐ-UBND	10/04/2020	
1.10 Kinh phí thanh toán chi phí kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên ngạch chuyên viên và tương đương năm 2019.	Sở Công thương	299.000.000	167/QĐ-UBND	10/04/2020	
1.11 Kinh phí danh nghề nghiệp viên chức lên ngạch chuyên viên và tương đương năm 2019.	Sở Nội vụ	88.600.000	170/QĐ-UBND	09/04/2020	
1.12 Kinh phí tổ chức xúc tiến hội nghị giới thiệu sản phẩm kích cầu du lịch Gia Lai tại 5 tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	193.000.000	271/QĐ-UBND	19/06/2020	
1.13 Kinh phí sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	15.270.196.000	275/QĐ-UBND	23/06/2020	
1.14 Kinh phí thực hiện Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" (Sở Y tế)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	121.000.000	268/QĐ-UBND	18/06/2020	

Số tự đi nh - DAN - NHAN - HAN	Nội dung	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú	
				Số quyết định	Ngày
1.16 Der*	Kinh phí tổ chức Phiên chợ kết nối, tiêu thụ nông sản an toàn tỉnh Gia Lai bùn cát thu L và Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2020 Cụm thi đua số 4, Khu vực Miền Trung - Tây nguyên.	Hội Nông dân	326.000.000	286/QĐ-UBND	01/07/2020
1.17	Bổ sung kinh phí duy tu, sửa chữa di tích cấp tỉnh "Khu mộ nhà giáo Nay Hồ trợ tò chúc lễ kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.	UBND thị xã Ayun Pa	70.000.000	319/QĐ-UBND	13/07/2020
1.18 19	Tạm cấp kinh phí để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19	Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo)	21.000.000	324/QĐ-UBND	22/07/2020
1.19 (đợt 2)	Tạm cấp kinh phí để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (đợt 2)	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	2.000.000.000	361/QĐ-UBND	31/07/2020
1.20	Kinh phí tổ chức Hội nghị diễn hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do UBMTTQVN phát động giai đoạn 2015-2020.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2.000.000.000	361/QĐ-UBND	31/07/2020
1.21	Cấp cho các địa phương để bổ sung di tích lịch sử	Ủy ban MTTQ Việt Nam	178.000.000	363/QĐ-UBND	03/08/2020
1.22	Tọa đàm nhân kỷ niệm 90 năm ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	Ủy ban MTTQ Việt Nam	210.000.000	430/QĐ-UBND	28/08/2020
1.23	Đảm bảo công tác phục vụ Lễ truy điệu, an táng hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Campuchia.	Ủy ban MTTQ Việt Nam	70.000.000	430/QĐ-UBND	28/08/2020
1.24	Tổ chức chúc thọ mừng thọ cho người cao tuổi năm 2020.	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	44.000.000	429/QĐ-UBND	28/08/2020
1.25	Bên soạn bộ sưu tập lịch sử Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Gia Lai (giai đoạn 1945-2015).	UBND huyện Đức Cơ	17.600.000	431/QĐ-UBND	28/08/2020
1.26	Phục vụ tổ chức thi nâng ngạch, thang hạng, chức danh nghề nghiệp lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương năm 2020.	Sở Lao động TB và XH	38.000.000	431/QĐ-UBND	28/08/2020
1.27		Tỉnh Đoàn Gia Lai	1.220.600.000	465/QĐ-UBND	08/09/2020
2	Dự kiến nguồn để xử lý các nhiệm vụ chi	Sở Nội vụ	191.000.000	564/QĐ-UBND	21/10/2020
	Dự kiến kinh phí phòng, chống Covid theo NQ 37/NQ-CP(UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 12/5/2020 V/v Chi tiêu giường cách ly và giường bệnh tại các cơ sở y tế để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo đó tổng dự toán kinh phí thực hiện là 177.165 triệu đồng (<i>NST: 124.015 triệu đồng; NS tỉnh: 53.150 triệu đồng, gồm: Dự phòng NST: 9.661 triệu đồng, đã cấp 4.940 triệu đồng, sẽ điều chỉnh theo số thực chi; Quỹ Dự trữ Tài chính: 43.489 triệu đồng</i>). UBND tỉnh đã thông nhất về kinh phí tại Thông báo số: 204/TB-HEND ngày 11/5/2020 V/v Thông báo Kết quả Kỳ họp thứ 12 (chuyên đề), HEND tỉnh khóa XI).	314.600.000	572/QĐ-UBND	26/10/2020	
			65.129.458.500		
			4.721.000.000		

Số
ĐK/NH
BAN

Nội dung

Đơn vị

Số tiền

Số quyết định

Ghi chú

Ngày

Nội dung	Đơn vị	Số tiền	Số quyết định	Ghi chú
				Ngày
Kinh phí hỗ trợ ASXH theo NQ 42/NQ-CP (Sở Tài chính đã phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền là 589.089 triệu đồng, gồm: NSTW 412.362 triệu đồng; NSDP 176.726 triệu đồng, gồm: Dự phòng ngân sách tỉnh 48.306 triệu đồng, Dự phòng ngân sách huyện xã 62.829 triệu đồng, Quỹ Dư trữ tài chính: 65.591 triệu đồng) theo Công văn số: 934/STC-QLNS ngày 16/4/2020 của Sở Tài chính. Đã cấp tạm ứng 03 đợt theo quyết định phê duyệt đối tượng được hưởng của UBND tỉnh với số tiền 29.596 triệu đồng.		48.306.000.000		
Kinh phí thành lập Quỹ Hoạt động Chữ thập đỏ (Hội Chữ thập đỏ tỉnh), tổng kinh phí 1.300 trđ, trong đó kinh phí được chuyển nguồn sang năm 2020 theo Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh 1 tỷ đồng; nguồn Dự phòng NS tỉnh 2020 là 300 triệu đồng.		300.000.000		
Kinh phí ký thi tuyển công chức, viên chức giáo viên năm 2018 (Sở Nội vụ).		242.836.000		
Kinh phí cấp cho các huyện, thị xã, thành phố để thanh toán phí chi trả kinh phí hỗ trợ do bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 cho các nhóm đối tượng.		2.822.517.500	Tờ trình 320/TTr-STC	30/9/2020
Kinh phí phòng chống dịch Bạch hầu năm 2020 trên địa bàn tỉnh.		8.737.105.000	Tờ trình 357 /TTr-STC	26/10/2020
III Số còn lại đến 31/10/2020		6.729.903.500		

Thống

**TỈNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
CÀ NĂM 2020**

ĐVT: Triệu đồng

Dự toán UBND tỉnh giao năm 2020										Ước thực hiện cả năm 2020										
STT	Huyện, thị xã, thành phố			Tổng chi NS huyện-xã			Gồm			Trong đó			Tổng chi NS huyện-xã			Gồm			% Thực hiện/Dự toán	
	xã, thành phố	huyện	xã	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	(1)	SN GD - ĐT và DN	SN KHCN	SN MTT	Dự phòng ngân sách	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	(1)	SN GD - ĐT và DN	SN KHCN	SN MTT	SN GD - ĐT và DN	SN KHCN	SN MTT	1/4=8/1
A	B	I=2+3+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10+	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Chư Sê	593,511	140.200	442.381	258.907	410	7.034	10.930	733.178	228.436	504.742	256.782	-	15.134	123,5%					
2	Chư Pahn	366,054	25.500	333.967	169.398	350	4.230	6.587	461.552	87.849	373.703	172.570	350	3.652	126,1%					
3	Phú Thiện	352,863	15.900	331.078	172.177	350	3.892	5.885	378.366	47.288	331.078	172.177	350	6.634	107,2%					
4	Ia Grai	423,651	31.300	384.762	229.192	350	4.730	7.589	562.392	135.000	427.392	229.192	350	4.730	132,7%					
5	Mang Yang	315,574	21.200	288.598	159.154	350	3.310	5.776	360.623	64.571	296.052	160.251		3.310	114,3%					
6	K'Bang	383,994	25.900	351.315	196.285	350	4.302	6.779	530.207	110.938	419.269	213.513	766	14.169	138,1%					
7	An Khê	311,196	45.900	259.368	128.387	410	5.437	5.928	398.383	109.986	288.397	124.641	410	4.593	128,0%					
8	Krong Pa	426,199	28.100	390.498	218.244	350	4.607	7.601	566.576	93.000	473.576	202.609		4.856	132,9%					
9	IaPa	279,663	14.500	260.106	143.192	350	3.174	5.057	391.117	34.181	356.936	129.821	738	7.741	139,9%					
10	Đăk Pơ	225,865	16.900	204.980	99.046	350	2.589	3.985	304.312	72.200	232.112	93.436	744	4.391	134,7%					
11	Đức Cơ	368,787	22.900	339.271	190.217	350	4.212	6.616	330.759	60.759	270.000	160.000	-	2.700	89,7%					
12	Đăk Đoa	435,491	23.300	404.344	211.028	350	4.747	7.847	525.267	87.654	437.613	220.500	350	4.050	120,6%					
13	AyunPa	224,231	20.700	199.400	95.464	410	4.902	4.131	253.638	50.107	203.531	95.464	410	4.902	113,1%					
14	Chư Prông	502,231	34.300	458.792	252.897	350	5.261	9.139	599.000	130.000	469.000	253.000	350	5.261	119,3%					
15	Chư Put	341,231	34.800	300.608	165.805	350	3.750	5.823	365.584	34.840	330.744	165.981	1.000	10.175	107,1%					
16	Pleiku	1.091,760	391.000	680.255	341.032	510	15.439	20.505	1.179.711	400.000	779.711	347.311	510	43.045	108,1%					
17	Kông Chro	316,223	18.600	292.142	150.214	350	3.222	5.481	417.346	82.195	335.151	128.810	350	3.222	132,0%					
	Tổng cộng	6.958.524	911.000	5.921.865	3.180.639	6.290	84.838	125.659	8.358.011	1.829.004	6.529.007	3.126.059	6.678	142.565						

Ghi chú:

- (1) Chi thường xuyên (kè cả bù sung có mục tiêu) đã bao gồm nguồn dự phòng ngân sách
(2) Chi Sư nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Day nghề (kè cả bù sung có mục tiêu)

Thmo